

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2016/NQ-HĐND

*Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2016*

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm  
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội và Công văn số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính thống nhất để Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương được áp dụng định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2013);

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 09/12/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**

“1. Chi báo cáo thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

- Cấp huyện: 250.000 đồng/hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

- Cấp xã: 150.000 đồng/hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

2. Chi công tác dự thảo và hoàn thiện báo cáo năm, dự thảo nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 700.000 đồng/báo cáo/bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo/bộ hồ sơ.

3. Chi công tác dự thảo và hoàn thiện báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

4. Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật dự thảo nghị quyết trước khi Hội đồng nhân dân thông qua

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/dự thảo nghị quyết.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/dự thảo nghị quyết.
- Cấp xã: 70.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

5. Khoản chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/nghị quyết.
- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/nghị quyết.
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/nghị quyết.”

### **2. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:**

“3. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác: 500.000 đồng/báo cáo”.

### **3. Sửa đổi khoản 1, 4 Điều 6 như sau:**

“1. Chi xây dựng quyết định, kế hoạch, đề cương và các tài liệu liên quan phục vụ khảo sát, giám sát

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/bộ.
- Cấp huyện: 700.000 đồng/bộ.
- Cấp xã: 300.000 đồng/bộ.

4. Chi tổng hợp lập báo cáo giám sát, khảo sát

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 700.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

### **4. Sửa đổi khoản 2, 3, 5 Điều 7 như sau:**

2. Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

3. Chi cho đại diện Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam mời tham gia và công chức, chuyên viên tổng hợp trực tiếp

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

5. Chi công tác dự thảo và hoàn thiện báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri

- Chi báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của tổ đại biểu
- + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo/tổ.
- + Cấp huyện: 100.000 đồng/báo cáo/tổ.
- Chi báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri trình kỳ họp
- + Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

### **5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 6,7, 8 Điều 10 như sau:**

3. Khoản chi thông tin liên lạc phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng
- Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng

6. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang cấp một máy vi tính xách tay, định mức giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhưng không vượt quá định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định của Trung ương.

7. Mức chi hỗ trợ đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân (kiêm nhiệm nhưng chưa được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm) và các Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân cấp xã

- Chủ tịch: 0,2 mức lương cơ sở/tháng.
- Trưởng Ban: 0,1 mức lương cơ sở/tháng.
- Phó Trưởng Ban: 0,075 mức lương cơ sở/tháng.

8. Khoản chi hỗ trợ chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là 2.000.000 đồng/người/năm. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tùy vào tình hình thực tế tự cân đối ngân sách của từng địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức hỗ trợ nhưng không quá 1.000.000 đồng/người/năm và cấp xã không quá 500.000 đồng/người/năm. Riêng

năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân tái cử) được hỗ trợ 50% mức chi này”.

### **6. Bổ sung Điều 11 như sau:**

“Công chức, người lao động được phân công (bằng văn bản) trực tiếp tham mưu, giúp việc hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng  $\frac{1}{2}$  mức của đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định tại điểm 5 khoản 1 và điểm 3 khoản 5 Điều 1 tại Nghị quyết này; đối với nhân viên phục vụ gián tiếp các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được hưởng  $\frac{1}{2}$  mức quy định tại tiết 2, khoản 1 Điều 9 của Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh”.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thay đổi cụm từ “thành phố, thị xã” và cụm từ “thị xã, thành phố” tại Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND bằng cụm từ “huyện, thị xã, thành phố” (gọi tắt là cấp huyện).

3. Thay đổi cụm từ “Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân tỉnh” tại Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND bằng cụm từ “Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh”.

4. Phần kinh phí tăng thêm do điều chỉnh, bổ sung mức chi thuộc ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó đảm bảo, được bố trí trong dự toán hằng năm theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Các quy định khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên và các chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 16/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**